

Bản án số 228/2023/HS-PT
Ngày 26 tháng 6 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Phương M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai, trực tuyến tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 194/2023/TLPT-HS ngày 26/4/2023 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2225/2023/QĐXXPT-HS ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Lê Thị T**, sinh ngày 20/12/1988 tại Thanh Hóa; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Nhân viên Ngân hàng TMCP B (B) - Chi nhánh Gia Lai; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không; con ông Lê Trọng C, sinh năm 1960, con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam ngày 07/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án và phân công của Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai là Luật sư Trương Thị P, Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt

Bị hại có kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt

Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: thành phố P, Gia Lai, có mặt

Chị Đào Thị Ngọc M, sinh năm 1985; địa chỉ: thành phố P, Gia Lai, có mặt

Chị Lê Thị Xuân T; địa chỉ: thành phố P, Gia Lai, có mặt

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt

Chị Lê Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lê Thị T là nhân viên hợp đồng có thời hạn của Ngân hàng TMCP B (B) - Chi nhánh Gia Lai từ tháng 12/2009. Tháng 8/2011 Lê Thị T kết hôn với ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1986 cùng công tác tại Ngân hàng TMCP B (B) - Chi nhánh Gia Lai). Từ tháng 3/2018, lợi dụng danh nghĩa là nhân viên Ngân hàng và có nhiều mối quan hệ quen biết, Lê Thị T bắt đầu vay, mượn tiền của một số cá nhân rồi cho người khác có nhu cầu đáo hạn ngân hàng vay lại nhằm hưởng lãi suất chênh lệch; số tiền giao dịch mỗi lần từ 200.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, thời hạn vay từ 03 ngày đến 07 ngày thì trả cả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận; hình thức giao nhận tiền mặt hoặc chuyển tiền qua số tài khoản 62010000370809 (mở tại Ngân hàng B ngày 18/01/2010) và 0291000324496 (mở tại Ngân hàng V ngày 23/01/2017) để thực hiện các giao dịch chuyển tiền thông qua tài khoản với một số cá nhân, như:

1. Bà Nguyễn Thị T S (sinh năm 1971, trú tại: thành phố P, có các số tài khoản 0291000171668 (V), 62010000914553 (B) và 10829987 (A)).

2. Bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1981, trú tại thành phố P, có số tài khoản 6201000002339 (B) và người có liên quan bà H như Đinh Xuân T, Đinh Xuân T).

3. Bà Vũ Thị H (sinh năm 1986, trú tại: phường H, thành phố P, có các số tài khoản 107000934064 T, 19135156508016 E, 62010000601040 B và 0291000344560 V).

4. Ông Vũ Ngọc H (sinh năm 1993, trú tại: thành phố P, có các số tài khoản: 19035090343016 E 232164389 A, 0291002364503 V, 21364046868 NHTMCP S (S) và 6201000108777 B).

5. Bà Vũ Thị H (sinh năm 1980, trú tại: phường H, thành phố P, có các số tài khoản 0291000043906 V, 04037886868 S và 118000117650 T của Công ty TNHH MTV X).

Khoảng tháng 8/2018, thông qua Vũ Thị H thì Lê Thị T quen biết ông Võ Văn T (sinh năm 1979, trú tại: thành phố P), làm kinh doanh bất động sản tại Gia Lai, được ông T đặt vấn đề vay tiền đáo hạn một số khoản đang nợ tại Ngân hàng và hứa hẹn sau khi được Ngân hàng giải ngân thì sẽ trả lại cả tiền gốc lẫn tiền lãi. Từ đó, T tiếp tục vay tiền của bà Nguyễn Thị T S, ông Đinh Xuân T, bà Vũ Thị H và nhiều cá nhân khác rồi cho ông Võ Văn T và một số cá nhân khác vay lại để hưởng tiền lãi chênh lệch.

Tháng 10/2019, do số tiền mà ông Võ Văn T vay của T ngày càng lớn, nhưng công việc kinh doanh của ông T gặp khó khăn nên không trả tiền vay của T đúng hạn trong khi T không tiếp tục vay được tiền của các cá nhân đã vay trên, nên qua quan hệ xã hội Lê Thị T biết Chu Nữ Diệu H (sinh năm 1985, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) là nhân viên Ngân hàng V - Chi nhánh Gia Lai có cho vay tiền đáo hạn nên đến đặt vấn đề vay tiền, được H đồng ý. Ngày 17/10/2019, Chu Nữ Diệu H chuyển 1.650.000.000 đồng vào tài khoản số 62010000761360 B Gia Lai của ông Võ Văn T, theo đề nghị của T (trong đó, H đã sử dụng số tài khoản 4016607 A chuyển 1.420.000.000 đồng và 62610000401853 B chuyển

230.000.000 đồng). Đến ngày 07/11/2019, T được H hướng dẫn mở tài khoản 9352347 tại Ngân hàng A Gia Lai để thuận tiện trong việc giao dịch vay, trả tiền thực hiện được nhiều giao dịch với số lượng tiền lớn (hạn mức tối đa 30.000.000.000 đồng/ngày) mà không tốn phí, để làm đảo hạn ngân hàng và mua bán bất động sản kiếm lời với lãi suất từ 2.500 đồng/triệu/ngày đến 3.000 đồng/triệu/ngày. Từ đây, Lê Thị T sử dụng tài khoản 9352347 để giao dịch và hình thành mối quan hệ vay, trả tiền với Chu Nữ Diệu H, Vũ Ngọc H cho ông Võ Văn T vay lại; trả tiền gốc lãi cho các cá nhân đã có quan hệ vay tiền trước đó và các bị hại có đơn tố giác. Do ông Võ Văn T không trả số tiền đã vay đúng thời hạn cam kết nên Lê Thị T lại xoay vòng vay tiền của các cá nhân khác như Vũ Ngọc H, Vũ Thị H, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Đinh Xuân T, Nguyễn Thị T S để trả tiền cho Chu Nữ Diệu H rồi xoay vòng trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho các cá nhân trên. Chính do việc vay tiền của Lê Thị T không sử dụng đầu tư kinh doanh để sinh ra lợi nhuận và cũng không thực hiện việc đảo hạn Ngân hàng cho khách hàng có nhu cầu thật nên không thu hồi tiền gốc và tiền lãi suất để trả lại cho người đã vay nên Lê Thị T liên tục xoay vòng vay tiền để trả nợ tiền gốc và tiền lãi dẫn đến thời điểm này Lê Thị T không kiểm soát được nguồn tiền vay và trả.

Từ đầu tháng 12/2019, mặc dù đã mất khả năng thanh toán các khoản tiền vay gốc và tiền lãi, nhưng để tiếp tục vay được tiền, trả tiền gốc và tiền lãi xoay vòng cho những người cho vay trước đó, Lê Thị T đã mở rộng tìm kiếm những người cho vay tiền bằng việc đưa ra thông tin không có thật về việc làm đảo hạn Ngân hàng, hứa hẹn trả lãi suất cao, đầu tư bất động sản kiếm lời để những người thân, gia đình, bạn bè tin tưởng là thật nên đã huy động tiền đưa cho T vay. Sau khi đưa ra thông tin gian dối để vay được tiền thì Lê Thị T tiếp tục sử dụng tiền đã vay được để trả nợ cho Chu Nữ Diệu H và những người đã cho T vay tiền trước đó; sử dụng tiền vay được trả một phần tiền gốc và tiền lãi cho chính những người cho vay sau để tạo sự tin tưởng nhằm tiếp tục vay được tiền để xoay vòng trả nợ. Đến tháng 5/2020, Lê Thị T mất khả năng kiểm soát dòng tiền, không xác định được số tiền đang nợ nên bị lâm vào tình trạng căng thẳng, đau ốm, khủng hoảng tinh thần. Đến ngày 25/6/2020, thì T bị Chu Nữ Diệu H ép ký giấy vay tiền và biên bản chốt công nợ với bà Lê Thị T H trong khi chưa đối chiếu được công nợ với H, nên Lê Thị T đã đến Công an phường H, thành phố P trình báo vụ việc nhưng do nhiều người đến đòi nợ nên ngày 28/6/2020, Lê Thị T đã điện thoại cho bà Lê Thị Mỹ H (sinh năm 1985, trú tại Thôn An Thạnh, xã Điện Thắng Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, có mối quan hệ họ hàng với T) kể về sự việc nợ nần nhiều, bị chủ nợ truy đòi tiền, rồi nhờ bà H lên Gia Lai tạm thời đưa đi tránh nợ. Sau đó, đã có nhiều cá nhân làm đơn tố giác Lê Thị T về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện tại hồ sơ xác định bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2020, Lê Thị T đã đưa ra thông tin gian dối để vay và chiếm đoạt tổng số tiền 19.662.060.000 đồng của 15 cá nhân, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Phương T (sinh năm 1987, trú tại: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 269.000.000 đồng. Bà Lê Thị Phương T quen biết Lê Thị T làm nhân viên ngân hàng B Chi nhánh Gia Lai từ năm 2010. Cuối năm 2019, Lê Thị Phương T được Lê Thị T đặt vấn đề vay tiền để làm dịch

vụ đáo hạn Ngân hàng và đã được thanh toán dứt điểm cả tiền gốc và tiền lãi. Ngày 09/01/2020, do cần tiền để trả nợ nên Lê Thị T đã lợi dụng việc đã vay, trả tiền dứt điểm từ trước rồi tiếp tục đưa ra thông tin vay tiền đáo hạn, hứa hẹn trả lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày nên bà Lê Thị Phương T tin tưởng đưa bằng tiền mặt cho T số tiền 400.000.000 đồng và được T viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 09/01/2020 đưa cho bà T giữ. Sau khi vay tiền, thì từ ngày 20/01/2020 đến 23/6/2020, Lê Thị T đã sử dụng tài khoản số 9352347 chuyển vào tài khoản số 19025302475011 tại Ngân hàng E của bà T trả 131.000.000 đồng, còn lại 269.000.000 đồng thì T chiếm đoạt, sử dụng trả nợ các khoản vay trước.

2. Chiếm đoạt của bà Đặng Thị T (sinh năm 1973, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 573.000.000 đồng. Bà Đặng Thị T có quan hệ là đồng nghiệp với Lê Thị T tại B Gia Lai từ cuối tháng 11/2019. Do cần tiền để xoay vòng trả nợ nên T đã giới thiệu với bà T hiện T có làm thêm bên mua bán bất động sản, lợi nhuận cao và bao luôn trọn gói giấy tờ chuyển nhượng nếu thành công thì cùng chia lợi nhuận rồi đặt vấn đề vay tiền của bà Đặng Thị T làm bà T tin tưởng đồng ý cho T vay tiền. Ngày 20/01/2020, bà T chuyển từ tài khoản 62010001140005 đến tài khoản 9352347 của T số tiền 450.000.000 đồng. Sau đó, T sử dụng số tiền này cùng với số tiền dư còn lại trong tài khoản chuyển trả nợ cho Chu Nữ Diệu H số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 22/01/2020, T chuyển trả vào tài khoản 62012000006757 của bà T số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 03/02/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62010001140005 đến số tài khoản 9352347 của T số tiền 50.000.000 đồng, T sử dụng số tiền này chuyển trả nợ cho ông Vũ Ngọc H vào tài khoản số 0291002364503. Ngày 06/02/2020, T chuyển trả tiền lãi cho bà T số tiền 12.000.000 đồng thì được bà T chuyển lại cho mượn 50.000.000 đồng. T sử dụng cùng với số tiền dư còn lại cùng số tiền 1.000.000.000 đồng do bà Vũ Thị H chuyển vào rồi chuyển số tiền 1.700.000.000 đồng cho Chu Nữ Diệu H để trả nợ. Ngày 14/02/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62012000006757 đến số tài khoản 9352347 của T số tiền 125.100.000 đồng. T sử dụng chuyển trả nợ cho bà Nguyễn Thị T S 50.000.000 đồng, số tiền còn lại để trong tài khoản. Ngày 03/3/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62010001140005 đến số tài khoản 9352347 của T số tiền 70.000.000 đồng, số tiền này cùng với số tiền dư còn lại trong tài khoản, Lê Thị T chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản số 9874127 của ông Đinh Xuân T để trả nợ. Ngày 10/3/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62012000006757 đến số tài khoản 9352347 số tiền 300.000.000 đồng, Lê Thị T chuyển số tiền này vào tài khoản số 9874127 của Đinh Xuân T để trả nợ. Các ngày 07/4/2020, 04/5/2020, T chuyển trả vào tài khoản 62012000006757 của bà T số tiền gốc 45.000.000 đồng; ngày 27/4/2020, T chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản số 62010000025154 của ông Phan Điệp Minh H là chồng của bà T; ngày 14/5/2020, T chuyển trả cho bà T số tiền lãi 15.000.000 đồng vào tài khoản số 62012000006757. Ngày 04/6/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62010000002971 đến số tài khoản 9352347 của T số tiền 20.000.000 đồng và ngày 08/6/2020, bà T chuyển từ số tài khoản 62010001140005 đến số tài khoản 9352347 của Lê Thị T số tiền 11.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà T đã 08 lần chuyển vào tài khoản số 9352347 cho T số tiền 1.076.100.000 đồng, Lê Thị T đã chuyển khoản trả lại số tiền gốc 165.000.000 đồng, tiền lãi 27.000.000 đồng và đưa tiền mặt trực tiếp nhiều lần với

tổng cộng là 311.100.000 đồng, số tiền còn lại 573.000.000 đồng, Lê Thị T đã chiếm đoạt, sử dụng trả nợ cá nhân.

3. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Khắc T (sinh năm: 1985, trú tại: Tp. Hồ Chí Minh) số tiền 900.000.000 đồng. Ông Nguyễn Khắc T là em họ của Lê Thị T, đã có quan hệ vay mượn tiền với nhau và thanh toán dứt điểm trong khoảng từ năm 2018 đến tháng 11/2019. Tháng 5/2020, do cần tiền để trả nợ nên Lê Thị T liên lạc với ông T đặt vấn đề vay số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn trong vòng một tháng sẽ trả. Do tin tưởng là thật ông T đồng ý chuyển vào tài khoản 9352347 cho T số tiền 900.000.000 đồng, không tính lãi suất, cụ thể: Ngày 22/5/2020, ông T sử dụng dịch vụ Smart Banking chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản 9352347 của Lê Thị T. Ngày 23/5/2020, T sử dụng số tiền này cùng với số tiền huy động của cá nhân khác chuyển vào tài khoản 4418627 của Chu Nữ Diệu H số tiền 1.200.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 4/6/2020, bà Nguyễn Thị D (vợ của ông T) chuyển tiền từ số tài khoản 101871586389 ngân hàng T vào số tài khoản 9352347 của Lê Thị T số tiền 130.000.000 đồng. Cùng ngày T chuyển thêm số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản 9352347 của T. Sau đó, T dùng số tiền này với số dư còn lại chuyển vào tài khoản 19022688599886 của ông Lê N T số tiền 800.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 05/6/2020, ông Chu Quang V, là bạn của ông T chuyển tiền từ số tài khoản 224440100 ngân hàng T đến tài khoản 9352347 của Lê Thị T số tiền 500.000.000 đồng. Sau đó, T chuyển số tiền này vào tài khoản 12115157 của bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000 đồng và tài khoản 11999367 của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ. Như vậy, ông T đã thực hiện 05 lần chuyển vào tài khoản số 9352347 và bị T chiếm đoạt tổng số tiền 900.000.000 đồng. Đến cuối tháng 6/2020, biết tin Lê Thị T tuyên bố vỡ nợ và bỏ trốn nên ông Nguyễn Khắc T làm đơn tố giác Lê Thị T chiếm đoạt 960.000.000 đồng. Tuy nhiên, về số tiền 60.000.000 đồng thì ông T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở xác định Lê Thị T chiếm đoạt số tiền này.

4. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1986, trú tại: Tp. Hồ Chí Minh) số tiền 1.080.200.000 đồng. Bà Nguyễn Thị D là bạn học với bà Lê Thị Yến là chị gái của Lê Thị T và biết T đang làm việc tại ngân hàng B Gia Lai. Tháng 11/2019 T liên lạc với bà D nói cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng, hứa hẹn lãi suất 0,2 %/ngày (tương đương 2.000 đồng/triệu/ngày), trong vòng 01 tuần sẽ trả. Thời gian này, ông Nguyễn Khắc T, là bạn của bà D cũng đang cho T vay tiền nên bà D đã tin tưởng rồi nhiều lần sử dụng tài khoản số 102000112631 và tài khoản số 102000555555 tại Ngân hàng TMCP Đ để giao dịch chuyển tiền vào tài khoản số 9352347 của T, từ ngày 08/11/2019 đến ngày 20/12/2019, bà D thực hiện 04 lần chuyển cho Lê Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng và được T trả lại số tiền 456.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi, còn nợ lại số tiền gốc 50.000.000 đồng. Sau đó, do cần tiền để xoay vòng trả nợ nên Lê Thị T nhiều lần đặt vấn đề với bà D đưa ra thông tin gian dối có nhiều khách đáo hạn cần số lượng tiền lớn hơn nên đề nghị cho T nợ số tiền gốc còn lại và cho vay thêm tiền. Do tin tưởng là thật nên bà D đồng ý tiếp tục cho T vay tiền. Tuy nhiên, tính đến ngày 15/6/2020, bà D nhận thấy T còn nợ 2.039.200.000 đồng tiền gốc và thường xuyên và lấy lý do trì hoãn việc trả tiền nên bà D không cho vay nữa mà yêu cầu T trả lại tiền. Đến ngày 25/6/2020, T chuyển trả vào tài khoản số 102000555555 của bà D số tiền

432.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền 1.607.200.000 đồng không trả. Nên ngày 28/9/2020, bà Nguyễn Thị D đến Cơ quan điều tra khai báo, tố giác Lê Thị T đề nghị làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị D, lời khai và sao kê tài khoản của bị can Lê Thị T, bảng trích sao kê đối chiếu công nợ xác định: Từ ngày 26/12/2019 đến ngày 05/6/2020, bà Nguyễn Thị D đã thực hiện 34 lượt chuyển vào tài khoản số 9352347 của Lê Thị T tổng số tiền 6.785.000.000 đồng. Từ ngày 31/12/2019 đến ngày 25/6/2020, Lê Thị T đã thực hiện 41 lượt chuyển trả vào 02 tài khoản của bà D số tiền 5.704.800.000 đồng. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D số tiền 1.080.200.000 đồng.

5. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hồng H (sinh năm: 1968, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 277.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng H không có quan hệ quen biết gì từ trước với Lê Thị T. Ngày 22/5/2020, Lê Thị T cần tiền để trả nợ nên thông qua mối quan hệ xã hội biết được bà Nguyễn Thị Hồng H có cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng, do vậy Lê Thị T chủ động liên lạc cho bà H đặt vấn đề vay mượn tiền để làm dịch vụ đáo hạn cho khách hàng và hứa hẹn trả với lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (tương đương 09%/tháng), bà H tưởng là thật nên đã đồng ý cho T vay tiền. Ngày 29/5/2020, bà Nguyễn Thị Hồng H chuyển từ tài khoản 7672714 (A) vào tài khoản 9352347 cho Lê Thị T vay số tiền 460.000.000 đồng. Sau đó, T dùng số tiền này cùng với tiền vay của các cá nhân khác chuyển trả cho Chu Nữ Diệu H số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 02/6/2020 và ngày 11/6/2020, T chuyển trả cho bà H số tiền 480.000.000 đồng (cả gốc và lãi). Ngày 19/6/2020, bà Nguyễn Thị Hồng H chuyển vào tài khoản 9352347 cho T vay số tiền 350.000.000 đồng. T sử dụng số tiền này cùng với số tiền còn dư trong tài khoản rồi chuyển cho ông Đinh Xuân T số tiền 200.000.000 đồng, bà H Thị T P số tiền 15.000.000 đồng và Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 22/6/2020, bà H được T trả lại số tiền 353.000.000 đồng (cả gốc và lãi, từ số tài khoản số 4016607 của Chu Nữ Diệu H). Sau đó, Lê Thị T đặt vấn đề vay lại số tiền này và hứa hẹn ngày 23/6/2020 sẽ trả, bà H đồng ý chuyển vào tài khoản 9352347 cho T số tiền 300.000.000 đồng. Lê Thị T sử dụng chuyển trả cho bà Lê Thị T số tiền 13.500.000 đồng, ông Lê N T số tiền 200.000.000 đồng, Lê Thị Phương T số tiền 5.000.000 đồng, bà Cù Thị Hải Chung số tiền 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Như H số tiền 50.000.000 đồng. Do không thấy Lê Thị T trả số tiền 300.000.000 đồng như hứa hẹn nên bà Nguyễn Thị Hồng H làm đơn tố giác Lê Thị T đề nghị làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng H, lời khai và sao kê tài khoản của Lê Thị T, tài khoản 4016607 của Chu Nữ Diệu H, xác định: Từ ngày 29/5/2020 đến ngày 22/6/2020, bà Nguyễn Thị Hồng H đã thực hiện 05 lượt chuyển vào tài khoản số 9352347 của Lê Thị T tổng số tiền 1.110.000.000 đồng. Từ ngày 02/6/2020 đến ngày 22/6/2020, Lê Thị T đã có 03 lượt chuyển trả tiền vào tài khoản số 3792047 của chị H số tiền 833.000.000 đồng. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền là 277.000.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của bà Hoàng Thị T (sinh năm: 1990, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 2.247.600.000 đồng. Vợ chồng bà Hoàng Thị T và ông Lê Quốc T (làm nghề lắp đặt trụ máy ATM tại các ngân hàng) quen biết vợ chồng Lê Thị T từ năm 2015. Ngày 02/6/2020, Lê Thị T liên lạc với bà T đặt vấn đề vay tiền để đáo

hạn cho doanh nghiệp với số tiền 1.350.000.000 đồng, hứa hẹn trả lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (tương đương 09%/tháng) trong vòng 01 tháng sẽ trả. Do tin tưởng là thật nên chiều cùng ngày, bà T chuyển (03 lần) tổng số tiền 1.350.000.000 đồng từ số tài khoản 9863067 (A) vào tài khoản 9352347 của T. Sau đó, từ ngày 03/6 đến ngày 11/6/2020, Lê Thị T chuyển trả cho bà T số tiền 1.000.000.000đ tiền gốc và 56.300.000đ tiền lãi, còn nợ lại số tiền gốc là 350.000.000 đồng. Ngày 11/6/2020, sau khi trả lại tiền cho bà T thì Lê Thị T tiếp tục đặt vấn đề vay lại để đáo hạn hứa hẹn trả lãi suất 6.000đồng/triệu/ngày (tương đương 18%/tháng). Do tin tưởng là thật và thấy mức lãi suất cao nên bà T đã chuyển từ tài khoản số 9863067 vào tài khoản 9352347 của T số tiền 1.400.000.000 đồng. Sau đó T chuyển luôn vào tài khoản 9874127 của ông Đinh Xuân T số tiền 1.100.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 12/6/2020, bà T chuyển từ tài khoản số 9863067 vào tài khoản 9352347 số tiền 500.000.000 đồng (tổng cộng T vay đã là 2.250.000.000 đồng) T sử dụng số tiền này, cùng với số tiền còn dư trong tài khoản chuyển đến các tài khoản số 10200055555 của bà Nguyễn Thị D số tiền 70.000.000 đồng, tài khoản số 04037286868 của Vũ Thị H số tiền 80.785.000 đồng, tài khoản số 12045767 của bà Lê Thị T số tiền 100.000.000 đồng và tài khoản số 11999367 của Nguyễn Thị Mỹ L 320.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 15/6 và ngày 16/6/2020, T chuyển trả vào tài khoản số 9863067 của bà T số tiền gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 66.100.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc là 1.900.000.000 đồng. Ngày 17/6/2020, T đặt vấn đề vay lại tiền để đáo hạn nên bà T đồng ý chuyển vào tài khoản 9352347 cho T vay số tiền 500.000.000 đồng. T đã sử dụng số tiền này cùng với số tiền huy động trong ngày của bà Đào Thị Ngọc M số tiền 140.000.000 đồng và bà Trần Thị T số tiền 1.250.000.000 đồng rồi chuyển vào tài khoản của ông Đinh Xuân T số tiền 700.000.0000 đồng, bà Nguyễn Thị T S số tiền 300.000.000 đồng, bà Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng bà Vũ Thị H số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ. Ngày 19/6/2020, T chuyển trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, còn lại số tiền 2.350.000.000 đồng không trả nên bà T làm đơn tố giác Lê Thị T đề nghị làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ lời khai của bà Hoàng Thị T, lời khai và sao kê tài khoản của Lê Thị T, tiến hành trích sao kê tài khoản hai bên, xác định: Từ ngày 02/6/2020 đến ngày 17/6/2020, bà Hoàng Thị T đã thực hiện 08 lượt chuyển vào tài khoản số 9352347 của Lê Thị T tổng số tiền 3.750.000.000 đồng. Từ ngày 03/6/2020 đến ngày 19/6/2020, Lê Thị T đã thực hiện 11 lượt chuyển trả tiền vào tài khoản số 9863067 của bà T số tiền 1.502.400.000.000 đồng. Như vậy, T đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị T số tiền là 2.247.600.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của bà Hoàng T M (sinh năm: 1977, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 113.500.000 đồng. Bà Hoàng T M là bạn học cùng lớp Tài chính kế toán với Lê Thị T tại T Cao đẳng Sư phạm Gia Lai từ năm 2007 đến năm 2009. Ngày 08/6/2020, Lê Thị T gọi điện thoại cho bà Hoàng T M đặt vấn đề vay mượn số tiền 300.000.000 đồng để làm dịch vụ đáo hạn cho khách hàng và hứa hẹn 02 ngày làm xong hồ sơ sẽ trả, bà M tin tưởng là thật nên đã đồng ý. Chiều cùng ngày, bà Hoàng T M sử dụng dịch vụ SmartBanking (số điện thoại 0935071172) chuyển từ tài khoản ngân hàng V số 0291000273123 đến tài khoản 9352347 của T số tiền 300.000.000 đồng. T đã sử dụng số tiền này để chuyển cho Chu Nữ Diệu H số tiền

100.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T S số tiền 16.000.000 đồng để trả nợ. Sau đó, T không chuyển trả hết tiền đã vay như cam kết với bà M mà chỉ chuyển trả số tiền 186.500.000 đồng không xác định gốc lãi, cụ thể: - Ngày 11/6/2020 số tiền 4.500.000 đồng; - Ngày 12/6/2020 số tiền 20.000.000 đồng; - Ngày 22/6/2020 số tiền 12.000.000 đồng; - Ngày 23/6/2020 số tiền 50.000.000 đồng; - Ngày 25/6/2020 số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà Hoàng T M số tiền 113.500.000 đồng.

8. Chiếm đoạt của bà Đào Thị Ngọc M (sinh năm: 1985, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 2.886.260.000 đồng. Bà Đào Thị Ngọc M học cùng lớp Đại học tại chức với Lê Thị T từ năm 2015. Ngày 06/6/2020, Lê Thị T liên lạc đặt vấn đề vay tiền của bà M để làm dịch vụ đáo hạn cho khách hàng, hứa hẹn trả lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày (tương đương 06%/tháng), tin tưởng là thật nên bà M đã đồng ý. Cụ thể: - Ngày 10/6/2020, bà M chuyển từ tài khoản số 62110000654476 vào tài khoản số 9352347 của T số tiền 700.000.000đ. Số tiền này T chuyển luôn vào tài khoản số 9874127 của Đinh Xuân T. - Ngày 11/6/2020, bà M chuyển từ tài khoản số 62110000654476 vào tài khoản số 9352347 của T số tiền 500.000.000 đồng và nhờ bạn của bà M là Nguyễn Thị Hương Trà chuyển từ tài khoản số 62110000992993 vào tài khoản 9352347 của T số tiền 200.000.000 đồng. T sử dụng số tiền này chuyển vào tài khoản bà Hoàng T M số tiền 25.000.000 đồng, Phạm Xuân Long số tiền 50.000.000 đồng, bà Lê Thị T số tiền 200.000.000 đồng và ông Lê N T số tiền 300.000.000 đồng để trả nợ. - Ngày 12/6/2020, Lê Thị T chuyển từ tài khoản 9352347 vào tài khoản số 62110000654476 cho bà M để trả số tiền 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 7.000.000 đồng tiền lãi. Đến 14 h00', ngày 12/6/2020, bà M chuyển cho T vay lại từ tài khoản số 62110000654476 đến tài khoản 9352347 số tiền 1.880.000.000 đồng. T sử dụng chuyển vào tài khoản ông Lý Ngọc Thành Đạt số tiền 1.300.000.000 đồng và ông Đinh Xuân T số tiền 600.000.000 đồng để trả nợ. - Ngày 15/6/2020, sau khi được T chuyển trả lại vào tài khoản số 62110000654476 của bà M số tiền 20.000.000 đồng thì bà M tiếp tục cho T vay tiền. Bà M chuyển từ tài khoản 62110000654476 vào tài khoản số 62010000370809 của T số tiền 330.000.000 đồng và nhờ bạn Đỗ Thị Mỹ Xuân chuyển từ tài khoản 19034288673015 (E) chuyển vào tài khoản số 62010000370809 của T số tiền 150.000.000 đồng. - Ngày 16/6/2020, bà Đào Thị Ngọc M chuyển vào tài khoản 9352347 của T số tiền 144.760.000 đồng. T sử dụng số tiền này cùng với số tiền vay được của bà Trần Thị T là 150.000.000 đồng và Nguyễn Thị Mỹ L là 600.000.000 đồng để chuyển trả nợ cho ông Vũ Ngọc H với số tiền 1.000.000.000 đồng. - Ngày 17/6/2020, bà Đào Thị Ngọc M chuyển tiền từ tài khoản số 62010000962817 và tài khoản số 62110000654476 vào tài khoản số 9352347 của T tổng số tiền 440.000.000 đồng. T đã chuyển số tiền này vào tài khoản của ông Đinh Xuân T để trả nợ. Đến ngày 18/6 và 19/6/2020, sau khi được T chuyển trả tiền lãi 22.500.000 đồng, thì được bà M tiếp tục chuyển vào tài khoản số 9352347 của T số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 20/6/2020, Lê Thị T viết "Giấy mượn tiền" có nội dung xác nhận T đang nợ bà M 2.810.000.000 đồng. Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 29/6/2020, bà M được T chuyển lại số tiền 248.800.000 đồng gốc và lãi. Số tiền còn lại không trả mà bỏ trốn, do vậy, bà Đào Thị Ngọc M làm đơn tố giác Lê Thị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan điều tra và giao

nộp “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2020. Căn cứ lời khai bà Đào Thị Ngọc M, lời khai và sao kê tài khoản của Lê Thị T tiến hành trích sao kê tài khoản hai bên xác định: Từ ngày 10/6/2020 đến ngày 19/6/2020, bà M đã thực hiện 19 lượt chuyển vào 02 tài khoản của T tổng số tiền 4.384.760.000 đồng. Từ ngày 12/6/2020 đến ngày 29/6/2020, Lê Thị T đã thực hiện 14 lượt chuyển cho bà M số tiền 1.498.500.000 đồng. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà M là 2.886.260.000 đồng.

9. Chiếm đoạt của bà Trần Thị T (sinh năm 1973, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 2.765.500.000 đồng. Bà Trần Thị T với Lê Thị T không có mối quen biết, vay mượn tiền gì với nhau từ trước. Ngày 15/6/2020, do cần tiền để trả nợ cho các quan hệ vay mượn trước nên T tìm hiểu qua quan hệ xã hội, đồng nghiệp thì biết được thông tin bà T có tiền cho vay nên tìm hiểu gọi vào số điện thoại 0915.654.017 của bà T rồi giới thiệu T là nhân viên Ngân hàng B - Chi nhánh H có làm thêm dịch vụ đáo hạn, hứa hẹn trả lãi suất 2.000đồng/triệu/ngày (tương đương 06%/tháng). Chiều ngày 15/6/2020, T liên lạc qua điện thoại với bà Thủy đưa ra thông tin có món vay đáo hạn cho ông Nguyễn Văn Nam, bà Nguyễn Thị T và bà Vũ Thị H nên bà Trần Thị T tin tưởng là thật, đã đồng ý cho Lê Thị T vay tiền và nộp vào tài khoản số 9352347 của T số tiền 1.050.000.000 đồng. Ngày 16/6/2020, bà T đã chuyển cho T số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 17/6/2020, T chuyển trả tiền cho bà T qua số tài khoản 24814927777 (S) của ông Phạm Gia Tường số tiền 600.000.000 đồng và còn nợ lại 600.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, T điện thoại chị T vay tiền làm đáo hạn cho người tên S (giới thiệu là em của T). Bà T đồng ý và chuyển 03 (ba) lần tổng số tiền 2.750.000.000 đồng vào tài khoản số 9352347 của Lê Thị T thành số nợ là 3.350.000.000 đồng. Ngày 18/6/2020, Lê Thị T chuyển trả số tiền 2.100.000.000 đồng vào tài khoản 13128247 của bà Trần Thị T và còn nợ lại số tiền 1.250.000.000 đồng. Chiều cùng ngày T điện thoại cho bà T và nói đang làm bảo lãnh xăng dầu cần mượn lại số tiền, bà T đồng ý và chuyển vào tài khoản 9352347 của T số tiền 1.600.000.000 đồng, thành số tiền T nợ lại là 2.850.000.000 đồng. Sau đó, Lê Thị T đã gặp bà T và ghi “Giấy nhận nợ” số tiền 2.850.000.000 đồng, với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả lại. Do bà T có yêu cầu thế chấp tài sản nên Lê Thị T đã thế chấp cho bà T GCNQSDĐ số CN122529 do Lê Thị T đứng tên quyền sử dụng và GCNQSDĐ số CP428844 do Nguyễn Văn Nam (sinh năm 1972, trú tại: 54/27/34 Sư Vạn H, tổ 4 phường Hội T, thành phố P, là chú của T) đứng tên quyền sử dụng đất. Từ ngày 19/6/2020 đến ngày 24/6/2020, bà T yêu cầu T trả lại số tiền trên thì T chuyển cho bà T 62.500.000 đồng. Đến ngày 29/6/2020, biết tin T vỡ nợ và đã bỏ trốn nên bà T làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra đề nghị làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ lời khai bà Trần Thị T, lời khai và sao kê tài khoản của Lê Thị T tiến hành trích sao kê tài khoản hai bên xác định: Từ ngày 15/6/2020 đến ngày 18/6/2020, bà T đã thực hiện 08 lượt chuyển vào tài khoản số 9352347 T tổng số tiền 5.550.000.000 đồng. Từ ngày 17/6/2020 đến ngày 24/6/2020, Lê Thị T đã thực hiện 11 lượt chuyển cho bà T số tiền 3.784.500.000 đồng. Việc Lê Thị T vay tiền của bà T được diễn ra khi đang đỉnh điểm nợ và không còn có khả năng trả nợ; việc sử dụng 02 GCNQSDĐ nêu trên để cầm cố sau khi đã nhận được tiền của bà T do hành vi gian dối của T, mặt khác việc sử dụng GCNQSDĐ số CP428844 để cầm cố

khi chưa được sự đồng ý của ông Nguyễn Văn Nam; bị can T thoả thuận với bà T trong việc chuyển nhượng GCNQSDĐ số CN122529 để cản trừ khắc phục bớt số tiền còn nợ với bà T là để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã kê biên tài sản này giao cho bà T quản lý để đảm bảo thi hành án, giải quyết dân sự chung trong vụ án. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà T số tiền là 2.765.500.000 đồng.

10. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Xuân T và ông H Văn O (sinh năm 1968, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 600.000.000 đồng. Bà Lê Thị Xuân T là đồng nghiệp với Chu Nữ Diệu H công tác tại Chi nhánh Ngân hàng phát triển Gia Lai. Khoảng giữa tháng 6/2020, vợ chồng bà T và ông O được H giới thiệu Lê Thị T đang làm tại nhân viên Ngân hàng B quen biết nhiều môi kinh doanh bất động sản, thường xuyên mua bán đất đai và có làm thêm dịch vụ đáo hạn rồi H sắp xếp vợ chồng ông O và bà T gặp T. Sau đó, ngày 21/6/2020 (thời gian này T đã mất khả năng tài chính và bị các chủ nợ đòi tiền) T liên lạc và đặt vấn đề vay vợ chồng ông O, bà T số tiền 900.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hứa hẹn 02 ngày xong hồ sơ sẽ trả tiền, nhưng bà Thuỷ, ông O chưa đưa tiền cho T vay. Ngày 23/6/2020, T tiếp tục điện thoại cho bà T vay tiền để đáo hạn, vì tin tưởng lời T nói là thật nên vợ chồng bà T đã đồng ý cho T vay tiền. Vì trước đó H có nợ vợ chồng bà T số tiền 2.170.000.000 đồng nên khi được H chuyển trả số tiền 550.000.000 đồng thì bà T đã chuyển 02 lần từ tài khoản số 13194417 của bà Thuỷ vào số tài khoản 9352347 của Lê Thị T số tiền 600.000.000 đồng. Sau đó, Lê Thị T chuyển từ tài khoản 9352347 số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản 62610000401853 và 4418627 số tiền 300.000.000 đồng cho Chu Nữ Diệu H. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của vợ chồng bà Lê Thị Xuân T, ông H Văn O số tiền 600.000.000 đồng.

11. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B (sinh năm: 1973, trú tại: thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 200.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B là hàng xóm với Chu Nữ Diệu H và đã nhiều lần cho H vay tiền để hưởng lãi suất cao. Ngày 24/6/2020, bà B liên lạc cho H hỏi “*Có 200.000.000 đồng, H có vay không?*” thì H nói hôm đó bận nên không làm, nhưng H cho bà B số điện thoại của T và giới thiệu Lê Thị T. Đến trưa cùng ngày, T chủ động gọi điện thoại liên lạc với bà B nói hiện tại đang có món cho vay làm đáo hạn, hứa hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả thì bà B đồng ý, không hỏi rõ lãi suất bao nhiêu và cũng không thế chấp tài sản gì. Vào chiều cùng ngày, bà B đến ngân hàng chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản 9352347 của Lê Thị T. Lê Thị T đã sử dụng số tiền này để xoay vòng trả nợ cho bà Trần Thị T số tiền 20.000.000 đồng, H Thị T P số tiền 40.000.000 đồng, Nguyễn Thị D số tiền 30.000.000 đồng và Hoàng T M số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, Lê Thị T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000đ.

12. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1963, trú tại: thành phố P, Gia Lai) số tiền 450.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T có quan hệ là cô ruột của Nguyễn Văn D (chồng của Lê Thị T). Từ tháng 02/2019 giữa bà T và Lê Thị T có quan hệ vay mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, T trả lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày cho bà T, vì vậy bà T đã nhiều lần đưa tiền cho Lê Thị T vay. Đến tháng 12/2019, mặc dù còn vay bà T 250.000.000 đồng chưa trả và đã mất khả năng trả tiền nợ, vì không có tiền trả nợ cho nhiều người vay trước nhưng T vẫn đưa ra thông tin cần tiền đáo hạn ngân hàng để tiếp tục vay tiền của bà Nguyễn Thị T, cụ thể:

- Ngày 01/12/2019, bà T đưa cho T vay số tiền 200.000.000 đồng.

- Ngày 23/3/2020, bà T đưa cho T vay số tiền 150.000.000 đồng.,
- Ngày 06/4/2020, bà T đưa cho T vay số tiền 100.000.000 đồng.

Do tin tưởng nên khi giao tiền, bà T không yêu cầu Lê Thị T viết giấy tờ, chứng từ gì mà chỉ tự theo dõi. Quá trình cho vay, bà T chỉ được Lê Thị T trả một phần tiền lãi, còn tiền gốc không trả nên ngày 20/6/2020, bà T yêu cầu Lê Thị T ký “Giấy nhận nợ” số tiền 700.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền vay trước tháng 12/2019), hẹn trả trong vòng 03 tháng rồi đưa lại cho bà T giữ. Đến tháng 5/2022, do Lê Thị T không trả như hứa hẹn nên bà Nguyễn Thị T làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra làm rõ, yêu cầu Lê Thị T trả lại toàn bộ số tiền đã vay.

13. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B (sinh năm: 1967, trú tại: phường H, thành phố P, Gia Lai) số tiền 2.000.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B có quan hệ là cô ruột của Nguyễn Văn D (chồng của Lê Thị T). Đầu năm 2019, bà B được Lê Thị T đặt vấn đề vay tiền để làm đảo hạn Ngân hàng, hứa hẹn chia lợi nhuận từ việc hưởng lãi suất chênh lệch (không xác định mức lãi suất và và thời hạn vay, trả từng lần). Do tin tưởng nên bà B nhiều lần đưa cho T vay, đã được T trả tiền lãi và một phần tiền gốc rồi xoay lại khoản vay mới. Tính đến cuối năm 2019, Lê Thị T nợ lại bà B số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng. Mặc dù lúc này đã mất khả năng trả tiền vay nhưng T vẫn đưa ra thông tin cần tiền đảo hạn ngân hàng để tiếp tục vay tiền của bà B. Ngày 05/3/2020, bà B cho Lê Thị T vay tiếp số tiền 2.000.000.000 đồng. Cuối tháng 6/2020, khi Lê Thị T vỡ nợ thì có xác nhận còn nợ số tiền 4.500.000.000 đồng và cam kết trả cho bà B. Đến tháng 5/2022, do Lê Thị T không trả như hứa hẹn nên bà Nguyễn Thị B làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra làm rõ, yêu cầu Lê Thị T trả lại toàn bộ số tiền đã vay.

14. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1975, trú tại: thành phố P, Gia Lai) số tiền 5.000.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T có quan hệ là cô ruột của Nguyễn Văn D (chồng của Lê Thị T). Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020, khi được Lê Thị T đặt vấn đề vay, mượn tiền giúp để đảo hạn Ngân hàng, hứa hẹn trả lãi suất 1,5%/tháng, thì bà T đồng ý nhiều lần đưa cho T vay số tiền 5.000.000.000 đồng. Do tin tưởng cô cháu gia đình nên khi đưa tiền thì bà T không yêu cầu Lê Thị T viết giấy tờ gì. Cuối tháng 6/2020, khi Lê Thị T vỡ nợ thì có xác nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà T. Đến tháng 5/2022, do Lê Thị T không trả như đã hứa hẹn nên bà Nguyễn Thị T làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra làm rõ.

15. Chiếm đoạt của bà Lê Thị H (sinh năm 1986, trú tại: phường H, thành phố P, Gia Lai) số tiền 300.000.000 đồng. Bà Lê Thị H có quan hệ là chị họ của Nguyễn Văn D (chồng của Lê Thị T). Tháng 3/2020, bà H được Lê Thị T đặt vấn đề vay, mượn tiền giúp để đảo hạn Ngân hàng thì chị H đồng ý. Ngày 20/3/2020, bà H mượn của chị Trần Thị Tuyền (trú tại: T C, phường Trà Bá, thành phố P) số tiền 150.000.000 đồng đưa cho T và ngày 23/3/2020, bà H nộp tài khoản số 62010000370809 của Ngân hàng B với số tiền 200.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/5/2020, bà H đã được Lê Thị T trả lại số tiền 50.000.000 đồng và xác nhận còn nợ lại 300.000.000 đồng; Lê Thị T xin được khất nợ trả dần dần sau. Đến tháng 5/2022, do Lê Thị T không trả như hứa hẹn nên bà Lê Thị H làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra làm rõ.

b. Về dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T và chị Lê Thị H rút đơn tố giác không có yêu cầu đề nghị gí đối với Lê Thị T.
- Các bị hại khác yêu cầu Lê Thị T bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

- Lê Thị T đã tác động ông Võ Văn T là người có quyền nghĩa vụ liên quan trả tiền cho T bằng hình thức giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 200.000.000 đồng để T khắc phục một phần thiệt hại về dân sự.

c. Về vật chứng: Số tiền 200.000.000 đồng, ông Võ Văn T giao nộp tại Cơ quan điều tra để trả cho Lê Thị T

d. Biện pháp tư pháp:

- Số dư trong tài khoản 0291000324496 tại thời điểm ngày 05/5/2020 là 85.644.188 đồng. Đã bị phong tỏa theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/CSHS, ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

- GCNQSD số CN122529 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/7/2018, đã được chính lý chuyển nhượng cho Lê Thị T ngày 15/8/2019; thửa đất số 135, tờ bản đồ số 32, diện tích 975 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tại: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đã bị kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 01/CSHS, ngày 12/4/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 20/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị T phải bồi thường như sau:

- Chị Lê Thị Phương T 239.000.000 đồng
 - Chị Đặng Thị T 493.000.000 đồng
 - Ông Nguyễn Khắc T 700.000.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị D 980.200.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị Hồng H 227.000.000 đồng
 - Bà Hoàng Thị T 2.117.600.000 đồng
 - Bà Hoàng T M 83.500.000 đồng
 - Bà Đào Thị Ngọc M 2.686.260.000 đồng
 - Bà Trần Thị T 2.565.500.000 đồng
 - Bà Lê Thị Xuân T và ông H Văn O 520.000.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị B 160.000.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị T 400.000.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị B 1.800.000.000 đồng
 - Bà Nguyễn Thị T 3.500.000.000 đồng
 - Bà Lê Thị H 200.000.000 đồng
- Tổng cộng 16.672.060.000 đồng*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tiếp tục phong tỏa tài khoản 0291000324496 của Lê Thị T số tiền 85.644.188 đồng theo Lệnh phong tỏa số 01/CSHS ngày 12/4/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai;

- Tiếp tục kê biên tài sản là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 32, diện tích 975 m², đất trồng cây lâu năm tại tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh lý sang tên Lê Thị T theo Lệnh kê biên tài sản số 01/CSHS ngày 12/4/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai

Để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Lê Thị T

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bảo thủ số tiền 200.000.000 đồng mà ông Võ Văn T nộp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo. (Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 04/2022 ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 124.672.060 (Một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Kiến nghị: Cơ quan điều tra tiếp tục chứng minh làm rõ số tiền mà bị cáo còn nợ và xem xét dấu hiệu tội chiếm đoạt tài sản theo nội dung tố cáo của những người liên quan Nguyễn Thị T S, Nguyễn Thị H, Vũ Thị H, Đinh Xuân T

[7] Về thi hành án dân sự: T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị hại Hoàng Thị T, Lê Thị Xuân T, Đào Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, bị hại M và H còn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển hồ sơ về cơ quan điều tra để điều tra truy tìm tài sản mà trước khi ra đầu thú bị cáo T cố tình tẩu tán, từ đó thu hồi trả bị hại.

- Bị hại Nguyễn Thị T và bị hại Lê Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị hại đều giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.
+ Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ việc xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tội danh, khung hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thị T thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, cụ thể: Lê Thị T là nhân viên hợp đồng có thời hạn của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai (B - Gia Lai) đã vay tiền của nhiều người, sau đó cho người khác vay lại để đảo hạn ngân hàng và hưởng lãi suất chênh lệch. Vì việc vay và cho vay lại số tiền rất lớn, nhưng không đảo hạn được để Ngân hàng giải ngân tiếp tục cho vay nên đến tháng 12/2019, Lê Thị T lâm vào tình trạng không kiểm soát được dòng tiền, dẫn đến mất khả năng thanh toán các khoản vay trước của nhiều người như Vũ Ngọc H, Vũ Thị H, Vũ Thị H, Nguyễn Thị H, Đinh Xuân T, Nguyễn Thị T S và Chu Nữ Diệu H. Tuy nhiên, để có tiền trả nợ xoay vòng gốc, lãi cho những cá nhân trên, Lê Thị T vẫn tiếp tục lợi dụng danh nghĩa Nhân viên B - Gia Lai đưa ra thông tin gian dối cần huy động tiền với lãi suất cao để đảo hạn ngân hàng và kinh doanh mua bán bất động sản. Tin vào thông tin gian dối do T đưa ra nên 15 người bị hại gồm Lê Thị Phương T, Đặng Thị T, Nguyễn Khắc T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Hồng H, Hoàng Thị T, Hoàng T M, Đào Thị Ngọc M, Trần Thị T, Lê Thị Xuân T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T và Lê Thị H đã cho T vay tiền. Vay được tiền T sử dụng trả gốc, lãi cho những người đã cho T vay trước và trả lãi cho 15 bị hại vay sau, khi mất cân đối không trả được thì T bỏ đi khỏi địa phương, tổng số tiền Lê Thị T chiếm đoạt của 15 bị hại là 19.662.060.000 đồng. Do có hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Lê Thị T phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự (chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 500 triệu đồng trở lên) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt;

[2] Xét kháng cáo của các bị hại đối với mức hình phạt 19 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T, khi mà có bị hại đề nghị tăng mức hình phạt, nhưng có bị hại lại đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo T ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động người khác bồi thường cho bị hại số tiền 3.190.000.000 đồng, được 12/15 bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo T có ông bà là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về quyết định hình phạt: Bị cáo phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bị cáo T phạm tội với 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; nhưng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; do đó, mức hình phạt 19 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nên cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng mức hình phạt, cũng như kháng cáo của các bị hại đề nghị giảm mức hình phạt cho bị cáo mà giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị T.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về lại cơ quan điều tra để truy tìm tài sản mà trước khi ra đầu thú bị cáo Lê Thị T đã cố tình tẩu tán, từ đó thu hồi để trả các bị hại, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để ai là bị hại đều có quyền trình bày ý kiến và phát giác nếu có việc bị cáo T tẩu tán tài sản. Sau khi thực hiện điều tra đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã kết thúc điều tra chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và Viện kiểm sát sau khi kiểm tra, giám sát đã ban hành Cáo trạng truy tố bị cáo T ra Tòa án để xét xử; trong suốt các quá trình nêu trên các bị hại không nêu được căn cứ chứng minh Lê Thị T tẩu tán tài sản để trình bày với Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát mà đến phiên tòa sơ thẩm các bị hại mới đặt ra vấn đề này và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại nêu lại vấn đề này, nhưng cũng không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận trình bày của các bị hại; trường hợp các bị hại nếu có tài liệu, chứng cứ về việc Lê Thị T tẩu tán tài sản thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xem xét khi thi hành án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T 19 (Mười chín) năm tù về “*Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo và các bị hại có kháng cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân